

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Chương trình 27 năm 2023 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2024 của tỉnh Đồng Nai

I- Kết quả triển khai Chương trình 27 năm 2023

1. Tình hình triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan đảng tại địa phương giai đoạn 2021 - 2025

1.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Trên cơ sở các văn bản của Trung ương về triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, Tỉnh ủy Đồng Nai đã ban hành các văn bản, cụ thể như:

- Căn cứ Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch số 331-KH/TU, ngày 26/02/2020 về việc thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Căn cứ Quyết định số 749/QĐ/TTg, ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” và Quyết định số 942/QĐ-TTg, ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 28/3/2022 của về chuyển đổi số tỉnh Đồng Nai đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

- Căn cứ Quyết định số 27-QĐ/TW, ngày 10/8/2021 của Ban Bí thư về việc ban hành Chương trình ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan đảng giai đoạn 2021-2025, tỉnh ủy Đồng Nai đã ban hành Kế hoạch số 125 - KH/TU, ngày 17/03/2022 về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan đảng tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021 – 2025; Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Công văn số 4704-CV/TU ngày 16/02/2023 về việc điều chỉnh các hạng mục và nguồn vốn trong Kế hoạch số 125-KH/TU ngày 17/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Đề án số 04-ĐA/TU ngày 06/06/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng phần mềm Sổ tay đảng viên điện tử Đảng bộ tỉnh Đồng Nai và Kế hoạch số 266-KH/TU ngày 06/6/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện thí điểm phần mềm Sổ tay đảng viên điện tử Đảng bộ tỉnh Đồng Nai; Báo cáo số 349-BC/TU ngày 06/9/2023 về tiến độ triển khai nhiệm

vụ ứng dụng CNTT theo Chương trình ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan đảng giai đoạn 2021 - 2025 (Chương trình 27).

Bên cạnh việc chỉ đạo các cấp ủy đảng trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện các văn bản nêu trên, trong năm 2023 Tỉnh ủy Đồng Nai còn chỉ đạo triển khai thực hiện các văn bản của Trung ương về ứng dụng công nghệ thông tin và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin như: Quy định số 853-QĐ/VPTW, ngày 18/01/2022 của Văn phòng Trung ương Đảng về việc triển khai và cập nhật Kiến trúc tổng thể công nghệ thông tin và truyền thông thống nhất trong các cơ quan đảng Phiên bản 1.0; Kế hoạch số 47-KH/VPTW/nb, ngày 15/03/2022 của Văn phòng Trung ương Đảng về tổ chức lại các kết nối, định tuyến trong mạng thông tin diện rộng của Đảng theo mô hình 2 cấp; Hướng dẫn số 10-HD/VPTW, ngày 07/7/2022 của Văn phòng Trung ương Đảng về tổ chức hạ tầng kỹ thuật mạng máy tính của các tỉnh ủy, thành ủy;

1.2. Công tác triển khai, quản trị, vận hành hệ thống hạ tầng kỹ thuật

- Hiện trạng kết nối vào mạng thông tin diện rộng của Đảng và mạng Internet tại các cơ quan đảng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được tách biệt độc lập gồm: mạng diện rộng của Đảng trên nền đường truyền số liệu chuyên dùng (50 Mbps tại Tỉnh ủy, 04 Mbps tại Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy và tại đơn vị cấp huyện, 01Mbps cho đơn vị cấp xã); tại tỉnh sử dụng đường truyền FTTH Leased line 100MBps dùng kết nối các máy chủ triển khai các ứng dụng dùng chung trên Internet và các đường Internet FTTH ADSL với tổng dung lượng trên 1.100 Mbps phục vụ người dùng cuối tại Trụ sở Tỉnh ủy. Các cấp ủy đảng sử dụng Internet FTTH ADSL có tốc độ tối thiểu từ 150 Mbps trở lên đã đáp ứng nhu cầu phục vụ công tác của cán bộ, công chức. Bên cạnh đó, Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cấp ủy Đảng thường xuyên kiểm tra và nâng cao hiệu quả sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng sử dụng để kết nối Hệ thống hội nghị trực tuyến từ Trung ương đến Tỉnh ủy và các huyện/thành ủy.

- Trong năm 2023, Trung tâm tích hợp dữ liệu của Tỉnh ủy đã được bổ sung, nâng cấp một số trang thiết bị CNTT nhằm đảm bảo hệ thống hoạt động tốt, đáp ứng nhu cầu vận hành hiện tại theo yêu cầu triển khai các ứng dụng CNTT (Nâng cấp RAM, ổ cứng cho các máy chủ vật lý, nâng cấp ổ cứng tăng dung lượng lưu trữ cho hệ thống SAN từ 14 TB lên 40 TB). Bên cạnh đó, Tỉnh ủy đang thực hiện các thủ tục để triển khai dự án nâng cấp, mở rộng Trung tâm tích hợp dữ liệu (đã được UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư và dự kiến cuối năm 2024 sẽ thi công).

- 100 % cán bộ, công chức tại các cơ quan Đảng trên địa bàn tỉnh đã được trang bị máy tính (máy tính để bàn, máy tính xách tay hoặc máy tính bảng) để phục vụ trong công tác. Trong năm 2023, các cơ quan Đảng của tỉnh cũng đã thực hiện rà soát, bổ sung, nâng cấp thiết bị CNTT cho cán bộ công chức tại đơn vị (như RAM, ổ cứng SSD, màn hình, phần mềm diệt virus bản quyền...) để kết nối vào các hệ thống mạng theo yêu cầu công việc (mỗi đơn vị khoảng 300 triệu đồng).

- Hệ thống hội nghị trực tuyến của tỉnh Đồng Nai đã được triển khai từ năm

2014 kết nối từ Tỉnh ủy đến 11 huyện/thành ủy, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp, Đảng ủy Công an tỉnh và Đảng ủy Tổng Công ty Cao su Đồng Nai. Hiện tại Hệ thống hội nghị trực tuyến của tỉnh đã xuống cấp; Năm 2023, Tỉnh ủy Đồng Nai đang thực hiện các thủ tục về dự án thuê Dịch vụ công nghệ thông tin Hệ thống hội nghị trực tuyến từ cấp tỉnh đến cấp huyện và cấp xã (dự kiến trong quý 2 năm 2024 sẽ hoàn thành).

- Hệ thống thư điện tử trong mạng diện rộng của Đảng tại tỉnh được triển khai thông qua chức năng thư điện tử của phần mềm điều hành tác nghiệp Lotus Notes 8.5; hệ thống thư điện tử công vụ trên mạng internet được thống nhất sử dụng máy chủ Mail server của tỉnh @dongnai.gov.vn do Sở Thông tin và truyền thông quản trị và vận hành.

1.3. Công tác xây dựng, triển khai các phần mềm hệ thống thông tin

1.3.1. Trên môi trường mạng diện rộng của Đảng

- Hiện tại, hệ thống tin điều hành tác nghiệp Lotus Notes 8.5 hoạt động ổn định, thông suốt, đáp ứng kịp thời việc xử lý văn bản đi, đến và thực hiện trao đổi thông tin qua thư điện tử, chia sẻ các cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyển cơ sở dữ liệu văn kiện Đảng, mục lục hồ sơ lưu trữ bằng phần mềm Lotus Notes trên mạng diện rộng của Đảng. Phần mềm đã góp phần thực hiện công tác quản lý đơn thư được thường xuyên, hiệu quả, dần được số hóa. Tuy nhiên, việc gửi nhận, xử lý văn bản, số hóa văn bản, trao đổi tài liệu qua mạng thông tin diện rộng của Tỉnh ủy hiện chỉ sử dụng chủ yếu để quản lý thư điện tử, quản lý văn kiện đảng, mục lục hồ sơ, quản lý đơn thư và thực hiện gửi nhận văn bản với các cơ quan Trung ương và các tỉnh thành ủy đang sử dụng phần mềm Lotus Notes (do từ tháng 3/2022, Tỉnh ủy Đồng Nai đã triển khai sử dụng phần mềm gửi nhận trên Internet tại 22 đơn vị gồm: Văn phòng Tỉnh ủy, các ban Đảng của tỉnh và các cấp ủy trực thuộc tỉnh).

Trong năm 2023, thực hiện Công văn số 2512-CV/VPTW/nb, ngày 17/11/2023 của Văn phòng Trung ương Đảng về việc triển khai các hệ thống thông tin do Văn phòng Trung ương Đảng chuyển giao, Văn phòng Tỉnh ủy đã xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện cài đặt, cấu hình xác thực theo hướng dẫn, phân quyền sử dụng của Tỉnh ủy và chạy thử nghiệm Hệ điều hành tác nghiệp mới trên nền tảng Microsoft trên máy chủ dự phòng, Văn phòng Tỉnh ủy đang tiếp tục phối hợp với Trung tâm Cơ yếu - CNTT Văn phòng Trung ương Đảng trong việc thử nghiệm trước khi đưa vào hoạt động chính thức.

- Đối với các phần mềm hệ thống thông tin phục vụ các lĩnh vực khác do cơ quan trung ương chuyển giao:

+ Phần mềm CSDL đảng viên 3.0 chuyên ngành tổ chức - xây dựng Đảng đã triển khai cho 11 huyện, thị, thành ủy và 05 đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; dữ liệu được cập nhật thường xuyên và được sao lưu định kỳ theo đúng quy định. (Các phần mềm Quản lý cán bộ, công chức, quản lý chính trị nội bộ chưa được Ban Tổ chức tỉnh ủy triển khai).

+ Hệ thống thông tin chuyên ngành Kiểm tra Đảng đã cài đặt máy chủ trung gian tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh ủy. Tuy nhiên, UBKT tỉnh ủy sử dụng đường liên kết trực tiếp máy chủ của UBKT Trung ương (Quy định số 05-QĐ/UBKTTU ngày 25/4/2023 của UBKT Tỉnh ủy “về cập nhật, quản lý, sử dụng Phần mềm Quản lý hồ sơ công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng” và Quy định số 05-QĐ/UBKTTU ngày 25/4/2023 của UBKT Tỉnh ủy về “quản lý, khai thác, sử dụng Phần mềm quản lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh”).

1.3.2. Trên môi trường Internet

- Phần mềm theo dõi chỉ đạo điều hành và phần mềm gửi nhận văn bản trên Internet được tỉnh xây dựng và đưa vào sử dụng vào tháng 3/2022 theo đúng các hướng dẫn của Trung ương. Hiện tại, các phần mềm trên đã kết nối liên thông với Trục tích hợp của tỉnh nhằm đảm bảo trao đổi thông tin công vụ không mật giữa các tổ chức, cơ quan, cá nhân của Đảng với các cơ quan, cá nhân trong hệ thống các cơ quan chính quyền của tỉnh; hỗ trợ cán bộ, công chức cơ quan thuận tiện hơn trong xử lý công việc hàng ngày. Đồng thời phần mềm có thể hỗ trợ tra cứu, xử lý công việc ở bất cứ đâu, có thể xem lịch sử và ý kiến xử lý của cán bộ, công chức có liên quan đến vấn đề cần xử lý.

- Đối với các phần mềm hệ thống thông tin phục vụ các lĩnh vực khác do cơ quan trung ương chuyên giao. Trong năm 2023, Văn phòng Tỉnh ủy đã tiếp nhận và triển khai phần mềm quản lý tài sản; hệ thống thu thập, tổng hợp theo Công văn số 2512-CV/VPTW/nb, ngày 17/11/2023 của Văn phòng Trung ương Đảng. Riêng về hệ thống thông tin tổng hợp, Văn phòng Tỉnh ủy hiện đang thử nghiệm trước khi đưa vào hoạt động chính thức theo Kế hoạch của Văn phòng Trung ương Đảng.

Ngoài ra, trong thời gian qua tỉnh Đồng Nai đã tiếp nhận và triển khai sử dụng hiệu quả các phần mềm khác như: phần mềm ứng dụng phục vụ công tác tài chính IMAS, phần mềm đảng phí của Bộ Tài chính, phần mềm quản lý tài sản MDS, phần mềm bảo hiểm xã hội, phần mềm thuế thu nhập cá nhân; phần mềm kế toán công đoàn.

- Đối với các ứng dụng phần mềm hệ thống thông tin do đơn vị chủ trì xây dựng. Trong năm 2023, Tỉnh ủy Đồng Nai cũng đã xây dựng và đưa vào sử dụng chính thức Cổng thông tin điện tử Đảng bộ tỉnh Đồng Nai trên mạng Internet (tháng 10/2023) và thí điểm phần mềm Sổ tay đảng viên điện tử Đảng bộ tỉnh Đồng Nai (tháng 6/2023).

1.3.3. Việc kết nối liên thông và sử dụng chữ ký số

- Mạng diện rộng của Đảng tại tỉnh trên mạng truyền số liệu chuyên dùng được kết nối liên thông với trục tích hợp dữ liệu của cơ quan đảng để trao đổi, xử lý thông tin điện tử giữa các cá nhân, cơ quan đảng trên địa bàn tỉnh với các cá nhân, cơ quan Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy đang sử dụng phần mềm Lotus Notes trên mạng truyền số liệu chuyên dùng.

Đồng thời, từ tháng 3/2022 Tỉnh ủy Đồng Nai cũng đã đưa vào sử dụng phần mềm theo dõi chỉ đạo điều hành và phần mềm gửi nhận văn bản trên mạng Internet được kết nối liên thông với Trục tích hợp của tỉnh nhằm đảm bảo trao đổi xử lý thông tin điện tử không mật giữa các cá nhân, cơ quan của Đảng với các cá nhân, cơ quan chính quyền, đoàn thể chính trị xã hội trên địa bàn tỉnh và các cơ quan Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy trên mạng Internet.

- Hiện tại, 100% cơ quan, đơn vị trực thuộc Tỉnh ủy đã đăng ký và sử dụng chữ ký số cá nhân, tổ chức. Từ năm 2021 đến nay Văn phòng Tỉnh ủy đã phân cấp và hướng dẫn cho các huyện ủy, thị ủy, thành ủy thực hiện các thủ tục xin cấp mới chứng thư số tổ chức, cá nhân khi có nhu cầu hoặc chuyển công tác khác; Văn phòng Tỉnh ủy có thể truy cập hệ thống mở khóa thiết bị lưu khóa bí mật, qua đó đã thống kê và nắm được số lượng các cơ quan, đơn vị, cá nhân trong khối Đảng thuộc tỉnh đăng ký và sử dụng chữ ký số.

1.4. Công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin

1.4.1. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin đối với hạ tầng kỹ thuật

- Việc thực hiện kết nối mạng diện rộng của Đảng và mạng Internet được Văn phòng Tỉnh ủy, các ban đảng tỉnh và các cấp ủy trực thuộc tỉnh triển khai tách biệt (về vật lý), đồng thời bố trí máy vi tính truy cập Internet riêng biệt với máy vi tính kết nối mạng diện rộng của Đảng, đảm bảo an toàn thông tin cho mạng diện rộng của Đảng và mạng Internet tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh. Bên cạnh đó, các hệ thống mạng tại trụ sở Tỉnh ủy, Trung tâm tích hợp dữ liệu của Tỉnh ủy đều thực hiện các giải pháp bảo mật, bảo đảm an toàn thông tin theo quy định. Đồng thời, Tỉnh ủy thường xuyên chỉ đạo các cơ quan, đơn vị quán triệt, tuyên truyền về các biện pháp bảo đảm an toàn hệ thống và an ninh thông tin, bảo vệ bí mật của Đảng và Nhà nước trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin (soạn thảo, gửi, nhận, sao lưu, khai thác, ...) nhằm nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm và kỹ năng sử dụng của cán bộ công chức.

- Đối với hệ thống bảo mật hội nghị truyền hình trên địa tỉnh được trang bị tại Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh. Đồng thời, Văn phòng Tỉnh ủy đã thường xuyên phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai cài đặt, nâng cấp bảo mật hệ thống kênh truyền và cung cấp thiết bị Etoken mới của Ban Cơ yếu Chính phủ sử dụng cho hệ thống phần mềm Cơ sở dữ liệu Đảng viên 3.0 tại Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Ban Tổ chức các cấp ủy trực tỉnh.

- Việc triển khai phần mềm diệt/quét virus và hệ thống tự động vá lỗi hệ điều hành: Tỉnh Đồng Nai đã triển khai cài đặt phần mềm diệt virus Kaspersky Endpoint Security for Windows bản quyền cho các cấp ủy, tổ chức, cơ quan đảng; thường xuyên cập nhật các bản vá lỗi của hệ điều hành, thông báo thông tin về nguy cơ, hiểm họa mất an toàn hệ thống, an ninh thông tin trong các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin.

- Trong năm 2023, các cơ quan đảng thuộc tỉnh đã phối hợp Công an tỉnh kiểm tra và dán tem đảm bảo an toàn thông tin cho tất cả các trang thiết bị công nghệ thông tin có kết nối mạng nội bộ và các máy tính sử dụng để soạn thảo, lưu trữ văn bản mật theo quy định của Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước và Luật Cơ yếu; Đã triển khai cài đặt phần mềm giám sát an ninh mạng EDR86 cho các máy tính trong mạng diện rộng của Đảng do Văn phòng Trung ương và Cục 86 - Bộ Tư lệnh tác chiến không gian mạng quản lý hệ thống. Đồng thời, Văn phòng Tỉnh ủy đã tổ chức kiểm tra các ban Đảng Tỉnh ủy, các cấp ủy trực thuộc tỉnh về công tác ứng dụng công nghệ thông tin và công tác đảm bảo an toàn an ninh thông tin. Qua đó đã hướng dẫn các đơn vị khắc phục những tồn tại, hạn chế về lĩnh vực CNTT.

- Tất cả các máy tính của cán bộ, công chức đều được cài đặt hệ điều hành từ Windows 10 trở lên. Hàng năm, Tỉnh ủy giao Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện sửa chữa, thanh lý, thu hồi các thiết bị, ổ cứng, vật mang tin và việc sử dụng thiết bị để sao chép dữ liệu giữa các mạng máy tính theo đúng quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ (được thực hiện bởi sản phẩm thiết bị USB An toàn của Cơ yếu). Tất cả các ứng dụng giao diện Web triển khai trên mạng Internet của Tỉnh ủy đều sử dụng chứng chỉ số SSL theo quy định. Đồng thời trong quá trình xây dựng, triển khai các phần mềm hệ thống thông tin, tỉnh Đồng Nai luôn thực hiện đúng theo Quy định số 5572-QĐ/VPTW, ngày 19/01/2021 của Văn phòng Trung ương Đảng về việc bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

1.4.2. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin đối với phần mềm hệ thống thông tin

- Các phần mềm do địa phương chủ trì xây dựng đều được đánh giá về an toàn, an ninh thông tin theo Quy định số 5572-QĐ/VPTW, ngày 19/01/2021 của Văn phòng Trung ương Đảng.

- Hiện tại việc sao lưu dữ liệu định kỳ đối với các phần mềm hệ thống thông tin, hiện tại vẫn sử dụng phương pháp thủ công chưa tự động hóa. Các hệ thống thông tin trên môi trường mạng Internet đã được bảo vệ bằng thiết bị tường lửa cứng SOFOS và Viettel Đồng Nai hỗ trợ giám sát bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

1.5. Công tác đào tạo, tập huấn cán bộ

Trong năm 2023, Tỉnh ủy tổ chức lớp Đào tạo chuyên sâu bồi dưỡng kỹ năng xử lý các sự cố về mất an toàn thông tin cho 30 học viên là cán bộ chuyên trách, kiêm nhiệm về Công nghệ thông tin của các cơ quan Đảng. Đồng thời, đã tổ chức Hội nghị tập huấn nâng cao nhận thức về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho khoảng 160 học viên là cán bộ lãnh đạo và công chức của các ban đảng tỉnh, các cấp ủy trực thuộc tỉnh, Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị tỉnh.

1.6. Công tác tổ chức bộ máy và chế độ, chính sách

- Về tổ chức, cá nhân được phân công chỉ đạo công nghệ thông tin cấp tỉnh: Văn phòng Tỉnh ủy là đơn vị trực tiếp tham mưu với Thường trực Tỉnh ủy chỉ đạo các cơ quan đảng của tỉnh tổ chức triển khai ứng dụng công nghệ thông tin giai

đoạn 2021-2025 theo Chương trình 27, là cơ quan thực hiện tham mưu với Thường trực Tỉnh ủy về công tác Công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh. Lãnh đạo Văn phòng phụ trách lĩnh vực Công nghệ thông tin là Phó chánh Văn phòng và Phòng tham mưu về lĩnh vực Công nghệ thông tin là phòng Cơ yếu - CNTT với biên chế gồm 06 công chức (01 trưởng phòng, 01 phó trưởng phòng, 02 chuyên viên phụ trách lĩnh vực CNTT, 02 chuyên viên phụ trách Cơ yếu) với trình độ chuyên môn đại học 05 người và trình độ thạc sỹ 01 người đã cơ bản đáp ứng theo yêu cầu nhiệm vụ.

- Về tổ chức, cá nhân được phân công chỉ đạo công nghệ thông tin cấp huyện: Tại mỗi huyện, thành ủy trên địa bàn tỉnh đều có 01 công chức phụ trách hoặc kiêm nhiệm công nghệ thông tin. Tuy nhiên chỉ có 06 công chức có trình độ đại học về CNTT thực hiện chuyên trách về CNTT tại 06 huyện/thành ủy, còn lại 05 đơn vị là công chức kiêm nhiệm lĩnh vực CNTT với trình độ cao đẳng và trung cấp về ứng dụng công nghệ thông tin.

- Về chế độ chính sách cho cán bộ công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh thực hiện từ tháng 4/2010 đến hết tháng 6/2017 theo Quy định số 10/2010/QĐ-UBND, ngày 01/3/2010 của UBND tỉnh (hưởng chế độ phụ cấp chuyên trách về CNTT trong 05 năm). Tuy nhiên từ tháng 7/2017 đến nay, không có chế độ trợ cấp thu hút đối với cán bộ công nghệ thông tin tại các cơ quan Đảng trên địa bàn tỉnh.

1.7. Kinh phí

- Kinh phí dự kiến thực hiện Kế hoạch số 125-KH/TU, ngày 17/03/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan đảng tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021 - 2025, khoảng 285,5 tỷ đồng (kinh phí đầu tư phát triển khoảng 20 tỷ và kinh phí chi thường xuyên khoảng 265,5 tỷ).

- Kinh phí cho việc bổ sung, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, xây dựng phần mềm, số hoá dữ liệu, tập huấn, ... trong năm 2023 khoảng 05 tỷ đồng.

- Dự kiến kinh phí cho việc bổ sung, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, xây dựng phần mềm, số hoá dữ liệu, tập huấn, ... trong năm 2024 khoảng 41 tỷ đồng.

2. Những khó khăn, vướng mắc, hạn chế và nguyên nhân

- Hiện tại, tỉnh đang gặp khó khăn trong việc triển khai Quyết định số 189-QĐ/TW, ngày 19/4/2019 của Ban Bí thư về việc ban hành Kiến trúc tổng thể công nghệ thông tin và truyền thông thống nhất trong các cơ quan đảng Phiên bản 1.0. Nguyên nhân là đa số các thành phần dữ liệu và các nghiệp vụ trong các cơ quan đảng tại Bảng IV-2 thể hiện danh mục thành phần dữ liệu (Data Component Catalog) tại Quyết định số 189-QĐ/TW, ngày 19/4/2019 của Ban Bí thư đều do các cơ quan Trung ương chủ trì triển khai xây dựng, quản lý vẫn chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ (trừ CSDL cán bộ, đảng viên; Dữ liệu về văn bản và hồ sơ công việc của các cơ quan đảng; Dữ liệu về Đề tài nghiên cứu khoa học của cơ

quan Đảng; Dữ liệu cơ bản về đơn thư khiếu nại, tố cáo) dẫn đến tình không thể phối hợp và khai thác sử dụng.

- Hiện tại nguồn nhân lực về lĩnh vực công nghệ thông tin tại các cơ quan đảng trên địa bàn tỉnh có tổng cộng 26 cán bộ, chuyên viên chuyên trách và kiêm nhiệm (trong đó chỉ khoảng 50% công chức chuyên trách về lĩnh vực công nghệ thông tin). Phần lớn các đơn vị thiếu nhân lực chuyên trách và hạn chế về trình độ công nghệ thông tin, dẫn đến khó khăn trong việc đảm bảo hoạt động thông suốt của các hệ thống công nghệ thông tin tại các cơ quan đảng khi xảy ra sự cố và dẫn đến nguy cơ về mất an toàn thông tin, ngưng trệ các hoạt động quản lý của các cơ quan đảng. Nguyên nhân những tồn tại, hạn chế nêu trên chủ yếu là do thiếu biên chế chuyên trách về lĩnh vực công nghệ thông tin và khó khăn trong tuyển dụng thu hút nguồn nhân lực có trình độ, bằng cấp về công nghệ thông tin tại các cơ quan đảng trên địa bàn tỉnh. Mặt khác, do nguồn thu nhập thấp (mức lương, chế độ thu hút) nên phần lớn nhân lực có trình độ về công nghệ thông tin từ cơ quan nhà nước nói chung và cơ quan đảng trên địa bàn tỉnh nói riêng đã xin nghỉ và chuyển sang làm việc cho các doanh nghiệp có thu nhập cao hơn.

II- Nhiệm vụ trọng tâm năm 2024

1. Tiếp tục chỉ đạo các cấp ủy đảng đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án theo Kế hoạch số 125 -KH/TU, ngày 17/03/2022 về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan đảng tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021 – 2025 nhằm góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 28/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Đồng Nai đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

2. Triển khai các giải pháp kỹ thuật đối với hạ tầng mạng để kết nối, liên thông giữa các mạng máy tính (mạng thông tin diện rộng của Đảng và mạng internet) của các cơ quan đảng nhằm phục vụ việc trao đổi, xử lý thông tin, điều hành tác nghiệp thuận tiện, hiệu quả và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; Thực hiện bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên theo định kỳ các thiết bị dùng chung của tỉnh nhằm duy trì hoạt động ổn định hệ thống mạng và hệ thống các phần mềm ứng dụng, các hệ thống thông tin.

3. Hoàn thành các dự án hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng phục vụ các cơ quan đảng trên địa bàn tỉnh, cụ thể: Thuê dịch vụ Hệ thống hội nghị trực tuyến nhằm đảm bảo phục vụ hội nghị từ Trung ương đến cấp xã và từ tỉnh đến cấp xã; Phần mềm gửi nhận văn bản điện tử qua mạng Internet và phần mềm chỉ đạo điều hành qua Internet đến cấp xã; Thuê dịch vụ số hóa và chỉnh lý tài liệu lưu trữ tại Văn phòng Tỉnh ủy và các Ban đảng; Xây dựng phần mềm “Sổ tay Đảng viên điện tử”;

4. Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng của Trung ương và của tỉnh triển khai các giải pháp và giám sát chặt chẽ mạng thông tin diện rộng của Đảng và mạng Internet; Thực hiện thuê các dịch vụ nhằm bảo đảm an toàn, an ninh thông tin đối với Trung tâm tích hợp dữ liệu của Tỉnh ủy và các phần mềm ứng dụng trên mạng diện rộng của Đảng và trên mạng Internet; Thực hiện mua sắm

trang thiết bị tường lửa, phần mềm diệt virus và rà soát đánh giá an toàn thông tin đối với hệ thống mạng nội bộ và mạng Internet đối với các cơ quan đảng trên địa bàn tỉnh.

5. Tiếp tục tổ chức các lớp bồi dưỡng hướng dẫn nâng cao kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho cán bộ công chức của các cơ quan đảng; Tập huấn nghiệp vụ, kỹ thuật ứng dụng công nghệ thông tin, trao đổi kinh nghiệm về tham mưu, quản lý, xây dựng và triển khai ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin của các cơ quan đảng trên địa bàn tỉnh.

6. Kiện toàn tổ chức bộ máy công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, bảo đảm nguồn nhân lực chuyên trách có đủ phẩm chất, trình độ, năng lực để thực hiện các nhiệm vụ về công nghệ thông tin và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; Đảm bảo nguồn nhân lực chuyên trách về lĩnh vực công nghệ thông tin của Văn phòng Tỉnh ủy đủ năng lực quản trị, vận hành Trung tâm dữ liệu của Tỉnh ủy và các Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp, phần mềm dùng chung cho các cơ quan đảng trên địa bàn tỉnh.

III- Kiến nghị, đề xuất

1. Văn phòng Trung ương Đảng và các ban đảng của Trung ương sớm triển khai xây dựng các thành phần dữ liệu và các nghiệp vụ trong các cơ quan đảng theo Quyết định số 189-QĐ/TW, ngày 19/4/2019 của Ban Bí thư.

2. Văn phòng Trung ương phối hợp với các cơ quan Trung ương sớm có cơ chế, chính sách, chế độ thu hút đối với cán bộ công nghệ thông tin làm việc trong các cơ quan đảng nhằm đảm bảo tại mỗi huyện/thành ủy và các ban đảng thuộc tỉnh bố trí tối thiểu 01 biên chế cán bộ, công chức chuyên trách về lĩnh vực CNTT.

Trên đây là báo cáo kết quả triển khai, thực hiện Quyết định số 27-QĐ/TW, ngày 10/8/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (gọi tắt là Chương trình 27) trong năm 2023 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2024 của tỉnh Đồng Nai, Thường trực Tỉnh ủy Đồng Nai báo cáo Văn phòng Trung ương Đảng.

Nơi nhận:

- TTTU (báo cáo),
- CP.VPTU,
- Phòng CY-CNTT,
- Lưu VPTU.

Đồng kính gửi:

- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Trung tâm Cơ yếu-CNTT VPTW.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

□

Hồ Thanh Sơn

PHỤ LỤC

(Kèm theo Báo cáo số [so]-BC/TU, ngày [ng]/02/2024 của Tỉnh ủy Đồng Nai)

| STT | Tên tiêu chí | Diễn giải tình trạng thực hiện | Mã thực hiện |
|-----------|--|----------------------------------|--------------|
| I | Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành văn bản | | |
| 1 | Việc triển khai xây dựng Kiến trúc tổng thể CNTT trong các cơ quan Đảng tại địa phương | Chưa xác định được lộ trình | D |
| 2 | Việc ban hành Kế hoạch ứng dụng CNTT theo giai đoạn 2021-2025 | Đã ban hành trước năm 2023 | A |
| 3 | Việc ban hành Kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2023 | Đã ban hành trong năm 2023 | A |
| 4 | Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư công theo giai đoạn 2021-2025 | Đã ban hành trong năm 2023 | B |
| 5 | Dự án ứng dụng CNTT theo Luật Đầu tư công giai đoạn 2021-2025 | Đã được phê duyệt trong năm 2023 | B |
| 6 | Công tác bố trí nguồn vốn triển khai các dự án, hạng mục CNTT theo Chương trình 27 | Đã bố trí vốn theo yêu cầu | A |
| 7 | Việc ban hành quy định về việc xử lý văn bản điện tử của tỉnh ủy, thành ủy | Đã có Quyết định ban hành | A |
| 8 | Việc ban hành quy định về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trên mạng máy tính của địa phương | Đã có Quyết định ban hành | A |
| II | Việc triển khai hệ thống hạ tầng kỹ thuật | | |
| 1 | Tổng số máy tính cá nhân hiện đang sử dụng tại tỉnh ủy, thành ủy | Số máy tính loại này là: | 402 |
| 2 | Tổng số máy tính cá nhân kết nối vào mạng diện rộng của Đảng tại tỉnh ủy, thành ủy | Số máy tính loại này là: | 42 |
| 3 | Tổng số máy tính cá nhân hiện đang sử dụng tại các huyện ủy, thị ủy | Số máy tính loại này là: | 426 |
| 4 | Tổng số máy tính cá nhân kết nối vào mạng diện rộng của Đảng tại các huyện ủy, thị ủy | Số máy tính loại này là: | 68 |
| 5 | Tổng số máy tính cá nhân hiện đang sử dụng tại các đảng ủy xã, phường, thị trấn | Số máy tính loại này là: | 245 |
| 6 | Tổng số máy tính cá nhân kết nối vào mạng diện rộng của Đảng tại các xã, phường, thị trấn | Số máy tính loại này là: | 118 |
| 7 | Tốc độ đường truyền mạng diện rộng tại các đơn vị trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy | Đáp ứng tốt yêu cầu | A |
| 8 | Tốc độ đường truyền mạng diện rộng tại các đơn vị trực thuộc huyện ủy, thị ủy | Đáp ứng tốt yêu cầu | A |
| 9 | Tốc độ kết nối Internet tại các đơn vị trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy | Đáp ứng tốt yêu cầu | A |
| 10 | Tốc độ kết nối Internet tại các đơn vị trực thuộc huyện ủy, thị ủy | Đáp ứng tốt yêu cầu | A |
| 11 | Kết quả xây dựng, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật Trung tâm tích hợp dữ liệu | Đã đạt yêu cầu | A |
| 12 | Tập trung toàn bộ máy chủ và các HTTT, CSDL từ cấp huyện về cấp tỉnh | Đã hoàn thành trước năm 2023 | A |
| 13 | Kết quả việc bổ sung, nâng cấp trang thiết bị công nghệ thông tin cho cán bộ cấp tỉnh | Hiện đáp ứng tốt yêu cầu sử dụng | A |
| 14 | Kết quả việc bổ sung, nâng cấp trang thiết bị công nghệ thông tin cho cán bộ cấp huyện | Hiện đáp ứng tốt yêu cầu sử dụng | A |

| STT | Tên tiêu chí | Diễn giải tình trạng thực hiện | Mã thực hiện |
|------------|---|---------------------------------------|---------------------|
| 15 | Kết quả việc bổ sung, nâng cấp trang thiết bị công nghệ thông tin cho cán bộ cấp xã | Hiện đáp ứng tốt yêu cầu sử dụng | A |
| 16 | Kết quả xây dựng, nâng cấp hệ thống họp trực tuyến tại các huyện ủy, thị ủy | Hiện cơ bản đáp ứng yêu cầu sử dụng | B |
| 17 | Kết quả xây dựng, nâng cấp hệ thống phòng họp trực tuyến cấp xã, phường | Chưa xây dựng | D |
| 18 | Kết quả triển khai hệ thống thư điện tử của các cơ quan Đảng địa phương trên mạng diện rộng | Đã hoàn thành trước năm 2023 | A |
| 19 | Kết quả triển khai hệ thống thư điện tử của các cơ quan Đảng địa phương trên mạng Internet | Đã hoàn thành trước năm 2023 | A |
| III | Việc xây dựng, triển khai các hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng | | |
| 3.1 | Trên mạng diện rộng của Đảng | | |
| 1 | Hiện trạng trao đổi thông tin điện tử giữa các cán bộ trong VP tỉnh ủy, thành ủy | Thực hiện tốt | A |
| 2 | Hiện trạng trao đổi thông tin điện tử giữa các cán bộ trong BTC tỉnh ủy, thành ủy | Thực hiện tốt | A |
| 3 | Hiện trạng trao đổi thông tin điện tử giữa các cán bộ trong UBKT tỉnh ủy, thành ủy | Thực hiện tốt | A |
| 4 | Hiện trạng trao đổi thông tin điện tử giữa các cán bộ trong BTG tỉnh ủy, thành ủy | Thực hiện tốt | A |
| 5 | Hiện trạng trao đổi thông tin điện tử giữa các cán bộ trong BDV tỉnh ủy, thành ủy | Thực hiện tốt | A |
| 6 | Hiện trạng trao đổi thông tin điện tử giữa các cán bộ trong BNC tỉnh ủy, thành ủy | Thực hiện tốt | A |
| 7 | Hiện trạng gửi văn bản điện tử từ tỉnh ủy, các ban đảng cấp tỉnh cho các huyện ủy | Thực hiện tốt | A |
| 8 | Hiện trạng gửi văn bản điện tử từ các huyện ủy cho tỉnh ủy, các ban đảng cấp tỉnh | Thực hiện tốt | A |
| 9 | Hệ điều hành tác nghiệp mới trên nền tảng Microsoft do VPTW chuyển giao tại cấp tỉnh | Bắt đầu đưa vào sử dụng từ năm 2024 | B |
| 10 | Hệ thống tìm kiếm, tổng hợp thông tin trên mạng diện rộng của Đảng tại cấp tỉnh | Bắt đầu đưa vào sử dụng từ năm 2024 | B |
| 11 | Hệ thống thông tin quản lý tài liệu lưu trữ số hóa tại cấp tỉnh | Bắt đầu đưa vào sử dụng từ năm 2024 | B |
| 12 | Hệ thống thông tin phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy tại cấp tỉnh | Chưa có kế hoạch | D |
| 13 | Phần mềm quản lý CSDL đảng viên 3.0 tại cấp tỉnh | Sử dụng từ trước 2023 đến nay | A |
| 14 | Phần mềm quản lý cán bộ công chức tại cấp tỉnh | Sẽ triển khai 2024 | C |
| 15 | Phần mềm quản lý chính trị nội bộ tại cấp tỉnh | Chưa có kế hoạch | D |

| STT | Tên tiêu chí | Diễn giải tình trạng thực hiện | Mã thực hiện |
|------------|--|---------------------------------------|---------------------|
| 16 | Phần mềm hệ thống thông tin chuyên ngành kiểm tra đảng tại cấp tỉnh | Đã sử dụng từ năm 2023 | B |
| 17 | Phần mềm thuộc hệ thống thông tin chuyên ngành tuyên giáo tại cấp tỉnh | Sử dụng từ trước 2023 đến nay | A |
| 18 | Cổng thông tin điện tử của tỉnh ủy, thành ủy trong mạng diện rộng | Chưa có kế hoạch | D |
| 19 | Sử dụng mã định danh trong mạng diện rộng | Đã tạm ngừng sử dụng | E |
| 20 | Sử dụng các phần mềm HTTT khác do tỉnh ủy, thành ủy chủ trì xây dựng | Không có | |
| 3.2 | Trên môi trường Internet | | |
| 1 | Hiện trạng trao đổi thông tin điện tử giữa các cán bộ trong VP tỉnh ủy, thành ủy | Thực hiện tốt | A |
| 2 | Hiện trạng trao đổi thông tin điện tử giữa các cán bộ trong BTC tỉnh ủy, thành ủy | Thực hiện tốt | A |
| 3 | Hiện trạng trao đổi thông tin điện tử giữa các cán bộ trong UBKT tỉnh ủy, thành ủy | Thực hiện tốt | A |
| 4 | Hiện trạng trao đổi thông tin điện tử giữa các cán bộ trong BTG tỉnh ủy, thành ủy | Thực hiện tốt | A |
| 5 | Hiện trạng trao đổi thông tin điện tử giữa các cán bộ trong BDV tỉnh ủy, thành ủy | Thực hiện tốt | A |
| 6 | Hiện trạng trao đổi thông tin điện tử giữa các cán bộ trong BNC tỉnh ủy, thành ủy | Thực hiện tốt | A |
| 7 | Hiện trạng gửi văn bản điện tử từ tỉnh ủy, các ban đảng cấp tỉnh cho các huyện ủy | Thực hiện tốt | A |
| 8 | Hiện trạng gửi văn bản điện tử từ các huyện ủy cho tỉnh ủy, các ban đảng cấp tỉnh | Thực hiện tốt | A |
| 9 | Hệ điều hành tác nghiệp mới trên nền tảng Microsoft do VPTW chuyển giao tại cấp tỉnh | Chưa có kế hoạch sử dụng | C |
| 10 | Phần mềm quản lý tài chính Đảng | Sử dụng từ trước 2023 đến nay | A |
| 11 | Phần mềm quản lý tài sản đảng | Bắt đầu đưa vào sử dụng từ năm 2023 | A |
| 12 | Hệ thống thông tin phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy | Chưa có kế hoạch | D |
| 13 | Hệ thống tìm kiếm, tổng hợp thông tin trên Internet | Đã sử dụng từ năm 2023 | B |
| 14 | Các phần mềm thuộc hệ thống thông tin chuyên ngành tuyên giáo tại cấp tỉnh | Chưa có kế hoạch | D |

| STT | Tên tiêu chí | Diễn giải tình trạng thực hiện | Mã thực hiện |
|---|--|--|------------------------------------|
| 15 | Cổng thông tin điện tử của tỉnh ủy, thành ủy trên Internet | Đã sử dụng từ năm 2023 | A |
| 16 | Sử dụng mã định danh trên Internet | Sử dụng từ trước 2023 đến nay | A |
| 17 | Sử dụng phần mềm gửi nhận văn bản (hoặc quản lý & điều hành) trên Internet | Sử dụng từ trước 2023 đến nay | A |
| 18 | Sử dụng các phần mềm HTTT khác do tỉnh ủy, thành ủy chủ trì xây dựng trên Internet | Có sử dụng | Sổ tay đảng viên điện tử, năm 2023 |
| 1.3.3 Việc kết nối liên thông và sử dụng chữ ký số | | | |
| 1 | Liên thông giữa mạng diện rộng của Đảng với trực tích hợp dữ liệu của cơ quan Đảng | Sẽ thực hiện trong năm 2024 | C |
| 2 | Kết nối giữa mạng diện rộng của Đảng với trực văn bản liên thông của chính quyền địa phương | Chưa xác định | D |
| 3 | Triển khai sử dụng chữ ký số cá nhân tại các ban tham mưu của Đảng ở cấp tỉnh | Thực hiện tương đối tốt | B |
| 4 | Triển khai sử dụng chữ ký số cá nhân tại các ban tham mưu của Đảng ở cấp huyện | Thực hiện tương đối tốt | B |
| 5 | Triển khai sử dụng chữ ký số cá nhân tại các ban tham mưu của Đảng ở cấp xã | Thực hiện chưa tốt | D |
| IV Việc bảo đảm an toàn, an ninh thông tin | | | |
| 1 | Hiện trạng kết nối giữa mạng thông tin diện rộng và mạng Internet tại các cơ quan đảng cấp tỉnh | Tách biệt hoàn toàn | A |
| 2 | Hiện trạng kết nối giữa mạng thông tin diện rộng và mạng Internet tại các cơ quan đảng cấp huyện | Tách biệt hoàn toàn | A |
| 3 | Máy tính kết nối mạng diện rộng của Đảng và mạng Internet tại các cơ quan đảng cấp tỉnh | Tất cả các máy tính kết nối riêng biệt trên 2 mạng | A |
| 4 | Máy tính kết nối mạng diện rộng của Đảng và mạng Internet tại các cơ quan đảng cấp huyện | Tất cả các máy tính kết nối riêng biệt trên 2 mạng | A |
| 5 | Máy tính kết nối mạng diện rộng của Đảng và mạng Internet tại các cơ quan đảng cấp xã | Tất cả các máy tính kết nối riêng biệt trên 2 mạng | A |
| 6 | Triển khai các giải pháp bảo mật theo quy định đối với Trung tâm tích hợp dữ liệu | Triển khai trước 2023 | A |
| 7 | Triển khai các giải pháp bảo mật theo quy định đối với hệ thống hội nghị trực tuyến | Đã triển khai từ trước năm 2023 | A |
| 8 | Triển khai kiểm tra an ninh đối với các trang thiết bị trước khi sử dụng trong mạng diện rộng của Đảng | Đã triển khai từ trước năm 2023 | A |
| 9 | Việc vận hành hệ thống giám sát an toàn, an ninh thông tin mạng diện rộng của Đảng tại địa phương | Vận hành tương đối thường xuyên | B |
| 10 | Việc sử dụng hệ điều hành phiên bản thấp (<= Windowx 7) trên máy trạm tại cấp tỉnh | Số lượng máy tính đang sử dụng phiên bản thấp tại cấp tỉnh | 0 |

| STT | Tên tiêu chí | Diễn giải tình trạng thực hiện | Mã thực hiện |
|------------|---|--|---------------------|
| 11 | Việc sử dụng hệ điều hành phiên bản thấp (<= Windowx 7) trên máy trạm tại cấp huyện | Số lượng máy tính đang sử dụng phiên bản thấp tại cấp huyện | 42 |
| 12 | Triển khai phần mềm diệt virus có bản quyền theo mô hình tập trung tại cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã | Số lượng máy tính được triển khai phần mềm phòng chống virus có bản quyền theo mô hình tập trung | 840 |
| 13 | Triển khai phần mềm diệt virus có bản quyền theo mô hình phân tán tại cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã | Số lượng máy tính được triển khai phần mềm phòng chống virus có bản quyền theo mô hình phân tán | 233 |
| 14 | Triển khai hệ thống tự động cập nhật, vá lỗi hệ điều hành trong mạng diện rộng | Sẽ triển khai năm 2024 | C |
| 15 | Việc tuân thủ Quy định 5572-QĐ/VPTW trong quá trình xây dựng, triển khai các phần mềm HTTT | Đảm bảo tuân thủ Quy định | A |
| 16 | Mã hóa các văn bản mật bằng giải pháp của Cơ yếu trên mạng tại các cơ quan cấp tỉnh | Thường xuyên | A |
| 17 | Mã hóa các văn bản mật bằng giải pháp của Cơ yếu trên mạng tại các cơ quan cấp huyện | Tương đối thường xuyên | B |
| 18 | Sử dụng máy tính độc lập để soạn thảo, lưu trữ văn bản tối mật, tuyệt mật tại các cơ quan cấp tỉnh | Đảm bảo tuyệt đối | A |
| 19 | Sử dụng máy tính độc lập để soạn thảo, lưu trữ văn bản tối mật, tuyệt mật tại các cơ quan cấp huyện | Đảm bảo hầu như tuyệt đối | B |
| 20 | Việc sao chép dữ liệu giữa hai hệ thống mạng bằng USB của Cơ yếu tại các cơ quan đảng cấp tỉnh | Tương đối thường xuyên | B |
| 21 | Việc sao chép dữ liệu giữa hai hệ thống mạng bằng USB của Cơ yếu tại các cơ quan đảng cấp huyện | Tương đối thường xuyên | B |
| V | Công tác đào tạo, tập huấn | | |
| 1 | Việc đào tạo, tập huấn cho cán bộ công nghệ thông tin của các huyện ủy, thị ủy năm 2023 | Mỗi cán bộ được tham dự từ 01 đợt trở lên | A |
| 2 | Việc đào tạo, tập huấn cho người sử dụng trong cơ quan đảng cấp tỉnh năm 2023 | Chỉ một số cán bộ được tham dự 01 đợt | B |
| 3 | Việc đào tạo, tập huấn cho người sử dụng trong cơ quan đảng cấp huyện năm 2023 | Chỉ một số cán bộ được tham dự 01 đợt | B |
| 4 | Việc đào tạo, tập huấn cho người sử dụng trong cơ quan đảng cấp xã năm 2023 | Chưa tổ chức được việc tập huấn | C |
| VI | Tổ chức bộ máy chỉ đạo, triển khai CNTT và chế độ đãi ngộ | | |

| STT | Tên tiêu chí | Diễn giải tình trạng thực hiện | Mã thực hiện |
|-------------|--|--|---------------------|
| 1 | Cán bộ lãnh đạo tỉnh ủy, thành ủy phụ trách công nghệ thông tin | Phó Bí thư thường trực | B |
| 2 | Cán bộ lãnh đạo Văn phòng phụ trách công nghệ thông tin | Phó Chánh Văn phòng | B |
| 3 | Tên gọi tổ chức bộ máy cấp phòng phụ trách công nghệ thông tin | Phòng CY-CNTT | A |
| 4 | Tổng số cán bộ của đơn vị cấp Phòng có chức năng CNTT | Số cán bộ của đơn vị cấp phòng có chức năng CNTT | 6 |
| 5 | Số lượng cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin của đơn vị cấp phòng có chức năng CNTT | Số cán bộ chuyên trách CNTT tại đơn vị cấp Phòng có chức năng CNTT | 4 |
| 6 | Trình độ, năng lực của cán bộ chuyên trách CNTT tại văn phòng tỉnh ủy, thành ủy | Một số chưa có trình độ đại học CNTT | C |
| 7 | Chức vụ cao nhất của cán bộ chuyên trách CNTT trong đơn vị cấp phòng có chức năng CNTT | Trưởng Phòng | A |
| 8 | Tổng số huyện ủy, thị ủy | Số huyện ủy, thị ủy | 11 |
| 9 | Số lượng cán bộ chuyên trách CNTT tại huyện ủy, thị ủy | Số cán bộ chuyên trách CNTT | 6 |
| VII | Chế độ chính sách đối với cán bộ chuyên trách CNTT | | |
| 1 | Chế độ đãi ngộ cho cán bộ chuyên trách CNTT tại đơn vị chức năng CNTT cấp phòng tại cấp tỉnh | Đã tạm ngừng | B |
| 2 | Mức đang áp dụng (nếu có) | Số tiền được hưởng mỗi tháng một người làVNĐ | 0 |
| 3 | Chế độ đãi ngộ cho cán bộ chuyên trách CNTT tại đơn vị chức năng cấp phòng tại cấp huyện | Đã tạm ngừng | B |
| 4 | Mức đang áp dụng (nếu có) | Số tiền được hưởng mỗi tháng một người là... VNĐ | 0 |
| VIII | Kinh phí | | |
| 1 | Dự kiến nguồn vốn đầu tư phát triển cả giai đoạn 2021-2025 tại các cơ quan Đảng cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã | Đơn vị tính là triệu đồng | 20000 |
| 2 | Dự kiến nguồn vốn chi thường xuyên cả giai đoạn 2021-2025 tại các cơ quan Đảng cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã | Đơn vị tính là triệu đồng | 265500 |
| 3 | Kinh phí đã chi để bổ sung, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật năm 2023 tại các cơ quan Đảng cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã | Đơn vị tính là triệu đồng | 4720 |
| 4 | Kinh phí đã sử dụng để mua sắm, phát triển phần mềm ứng dụng năm 2023 tại các cơ quan Đảng cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã | Đơn vị tính là triệu đồng | 57 |

| STT | Tên tiêu chí | Diễn giải tình trạng thực hiện | Mã thực hiện |
|------------|---|---------------------------------------|---------------------|
| 5 | Kinh phí đã sử dụng để số hóa dữ liệu năm 2023 tại các cơ quan Đảng cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã | Đơn vị tính là triệu đồng | 0 |
| 6 | Kinh phí đã sử dụng cho đào tạo, tập huấn thực hiện năm 2023 tại các cơ quan Đảng cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã | Đơn vị tính là triệu đồng | 195.2 |
| 7 | Kinh phí đã sử dụng cho nội dung khác năm 2023 (triển khai Kiến trúc, xây dựng các quy định, ...) | Đơn vị tính là triệu đồng | 70 |
| 8 | Dự kiến kinh phí để bổ sung, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật năm 2024 tại các cơ quan Đảng cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã | Đơn vị tính là triệu đồng | 9250 |
| 9 | Dự kiến kinh phí để mua sắm, phát triển phần mềm ứng dụng năm 2024 tại các cơ quan Đảng cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã | Đơn vị tính là triệu đồng | 15800 |
| 10 | Dự kiến kinh phí để số hóa dữ liệu năm 2024 tại các cơ quan Đảng cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã | Đơn vị tính là triệu đồng | 15000 |
| 11 | Dự kiến kinh phí để đào tạo, tập huấn năm 2024 tại các cơ quan Đảng cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã | Đơn vị tính là triệu đồng | 350 |
| 12 | Dự kiến kinh phí sử dụng cho nội dung khác năm 2024 (triển khai Kiến trúc, xây dựng các quy định, ...) | Đơn vị tính là triệu đồng | 500 |